

PHÁP GIỚI THỨ ĐỆ SƠ MÔN**QUYỂN HẠ (PHẦN 1)**

41. BỐN HOÀNG THỆ NGUYỆN RỘNG LỚN: 1. Người chưa độ thì độ họ; 2. Người chưa hiểu thì giúp họ hiểu; 3. Người chưa an giúp họ được an; 4. Người chưa Niết-bàn giúp họ được Niết-bàn;

Kế mười hai nhân duyên là nói về bốn thệ nguyện rộng lớn. Hai quyển trên pháp môn được nêu hoặc là phạm phu cộng pháp, hoặc đồng có với Nhị thừa, đều chưa nói đạo bất cộng của Bồ-tát, chư Phật. Cho nên này một quyển này lược nêu hai mươi khoa pháp môn đều là nói riêng hạnh của Bồ-tát làm và chứng pháp của chư Phật. Cho nên kế là trình bày thệ nguyện rộng lớn, cho nên trong pháp phạm phu và Nhị thừa tuy có Từ bi nhưng đều không có đức hoàng thệ. Nếu người phạm phu chẳng biết bốn đế, mười hai nhân duyên, tuy tu Từ bi chỉ là phước đức lớn sinh lên cõi Phạm thiên, hưởng quả báo Phạm thiên. Đây là đối với chúng sinh không có lợi ích xuất thế, đâu thể nhân Từ bi mà dựng lập công hoàng thệ. Nếu là Nhị thừa tuy biết bốn đế, mười hai nhân duyên nhưng chỗ tu Từ bi chỉ là tự điều tâm muốn một đời hết khổ, một mình mình vào Vô dư, chẳng thể ở lâu trong sinh tử gánh vác tất cả. Đâu thể nhân Từ bi mà khởi đức hoàng thệ. Nay Bồ-tát thấu hiểu bốn đế, mười hai nhân duyên thương xót tất cả, tưởng như con ruột. Cho nên hay vì chúng sinh ở lâu trong sinh tử phát tâm gánh vác tất cả, cùng nhập vào Niết-bàn. Ấy vì tu đại thệ trang nghiêm tâm siêng năng chẳng lui sụt. Bốn thứ này gọi là thệ nguyện rộng lớn, duyên rộng lớn gọi là Hoàng, tự chế phục tâm mình gọi là Thệ, chí cầu đầy đủ gọi là Nguyện, Đại Bồ-tát dùng Từ bi duyên với bốn chân đế, vận dụng tâm rộng lớn, khiến tất cả chúng sinh đồng chứng đạo rốt ráo bốn chân thật, nên gọi là bốn thệ nguyện rộng lớn. Nếu Bồ-tát dùng các pháp tuệ thật tướng phát bốn nguyện này tức là phát tâm Bồ-đề là gốc của muôn hạnh, cội nguồn của linh giác. Do đó tất cả Đại sĩ do hoàng thệ này mà nhiều kiếp tu nhân. Các bậc Đại Thánh Mười phương duyên theo bốn nguyện này thường ở trong sinh tử rộng độ chúng sinh mà chẳng diệt mất. Nay nói

pháp bất cộng; trước từ thệ nguyện lớn làm đầu là ý ở đây.

1. Người chưa độ thì độ họ: Hoằng thệ này duyên khổ đế mà khởi. Nên kinh Anh Lạc chép: Chưa độ khổ đế khiến độ khổ đế, nay nói khổ đế tức là sinh tử, Sinh tử có hai thứ: Một là sinh tử phần đoạn, tức là chúng sinh sáu đường nhận lấy thân Ấm, nhập, giới quả báo thô có hình chất thành hoại phần đoạn. Hai là sinh tử Biến dịch, nghĩa là A-la-hán, Bích-chi và Bồ-tát Đại Lực, ba thứ sinh ý thân tuy không có phần đoạn thô báo, nhưng cũng có những sự sâu kín nhân chuyển quả đời, là chỗ đời đổi của biến dịch sinh diệt. Nếu tất cả chưa độ hai thứ khổ sinh tử, thì Bồ-tát phát tâm nguyện hóa độ, nên gọi là người chưa độ thì độ họ.

2. Người chưa hiểu thì giúp họ hiểu: Hoằng thệ này duyên tập đế mà khởi, nên kinh Anh Lạc chép: Chưa hiểu tập đế giúp họ hiểu tập đế. Nay nói Tập tức là phiền não nhuận nghiệp có công năng với lấy sinh tử; Phiền não nhuận nghiệp có hai thứ: Một là Tứ trụ địa phiền não, nhuận nghiệp sinh tử phần đoạn, với lấy quả khổ của sinh tử phần đoạn. Hai là Vô minh Trụ địa phiền não, nhuận nghiệp biến dịch sinh tử với lấy quả khổ của sinh tử biến dịch. Nếu tất cả chưa hiểu hai thứ tập này, thì Bồ-tát phát tâm nguyện giúp họ được hiểu. Nên gọi là người chưa hiểu giúp họ hiểu.

3. Người chưa an giúp họ được an: Hoằng thệ này duyên với đạo đế mà khởi. Nên kinh Anh Lạc chép: Chưa an đạo đế giúp họ an đạo đế. Nay nói đạo đế tức là thông với Chánh trợ đạo Niết-bàn. Có hai thứ đạo Chánh trợ: Một là Thiên duyên chân đế, tu đạo Chánh trợ. Đạo này chỉ đến được Tiểu thừa Niết-bàn (hết) khổ; Hai là Chánh duyên thật tướng Trung đạo mà tu đạo chánh trợ. Đạo này đến được Đại thừa đại Niết-bàn. Nếu tất cả chưa an hai đạo này thì Bồ-tát phát tâm nguyện giúp họ được an, nên gọi là người chưa an đạo giúp họ an.

4. Người chưa Niết-bàn giúp họ được Niết-bàn. Hoằng thệ này duyên diệt đế mà khởi. Nên kinh Anh Lạc chép: Người chưa được diệt đế thì giúp họ được diệt đế. Nay nói diệt đế tức là diệt nghiệp phiền não, diệt quả khổ sinh tử. Có hai thứ nghiệp phiền não sinh tử: Một là nghiệp sinh tử phần đoạn, diệt bốn trụ địa phiền não thì quả khổ sinh tử phần đoạn diệt, tức là Diệt đế của Nhị thừa có được; Hai là nghiệp sinh tử biến dịch, diệt vô minh trụ địa phiền não tức là quả khổ sinh tử biến dịch diệt, là diệt đế bất cộng rốt ráo có được của chư Phật và Bồ-tát. Nếu tất cả chưa được hai thứ diệt đế này, thì Bồ-tát phát tâm nguyện giúp họ được diệt. Cho nên nói người chưa được Niết-bàn giúp họ được Niết-bàn.

Nay bốn đế mà bốn thứ hoàng thế duyên theo và bốn đế nói trong Thanh văn ở trước có bán mẫn khác nhau. Trước chỉ nói chữ bán làm bốn Thánh đế. Nay nói chữ mẫn không làm bốn Thánh đế. Cho nên hai thứ bốn Thánh đế chung nói là đạo Bồ-tát, giáo môn khác nhau. Nếu là Tạng giáo, Thông giáo nói về Hoàng thế thì chỉ duyên có làm bốn Thánh đế mà khởi. Nếu là Biệt giáo, Viên giáo nói về Hoàng thế thì (duyên chung) có làm và không làm hai thứ bốn Thánh đế mà khởi. Cho nên y cứ hoàng thế mà phân biệt bốn đế, bán mẫn khác với trước.

42. SÁU BA LA MẬT: 1. Đàn Ba-la-mật; 2. Thi-la Ba-la-mật; 3. Sần-đề Ba-la-mật; 4. Tỳ-lê-da Ba-la-mật; 5. Thiển Ba-la-mật; 6. Bát-nhã ba-la-mật.

Kế, bốn thế nguyện rộng lớn là nói về sáu Ba-la-mật. Đại Bồ-tát nguyện hạnh giúp nhau. Đã phát đại nguyện thì phải tu hành. Nay sau Ba-la-mật tức là gốc chánh hạnh Bồ-tát. Nên kinh Pháp Hoa chép: Vì cầu đạo Bồ-tát phải thực hành sáu Ba-la-mật, nên kế hoàng thế thì nói về sáu Ba-la-mật này. Đàn-thi cho đến Bát-nhã đều là tiếng nước ngoài. Đến phần giải thích riêng ở sau sẽ nói về tên người dịch. Tám thứ này gọi chung là Ba-la-mật đều là tiếng Tây Vực, các kinh luận dịch vào đời Tần khác nhau, nay nói lược có ba cách dịch: Có chỗ dịch là Sự cứu cánh, hoặc dịch là Đáo bỉ ngạn, hoặc dịch là Độ Vô Cực. Bồ-tát tu sáu pháp này có khả năng rất ráo hai thứ nhân quả chung riêng, tất cả việc từ hành và hóa tha, cho nên nói là sự rất ráo. Nướng vào sáu pháp này, có thể từ hai thứ sinh tử bờ này mà đến hai thứ Niết-bàn bờ kia, nên gọi là Đáo bỉ ngạn. Vì sáu pháp độ được hai thứ sự lý chung riêng, các pháp rộng xa, nên nói là Độ vô cực. Nếu y theo giải thích riêng thì ba cách dịch trên đều có chủ, nếu y theo giải thích chung thì ba cách dịch tuy có ý khác nhưng đồng không khác.

1. Đàn Ba-la-mật. Đàn-năng lực, đời Tần dịch là bố thí, nếu trong có tín tâm, ngoài có ruộng phước, có tài vật, khi ba thứ hòa hợp thì tâm sinh pháp xả, phá được san tham, ấy là Đàn. Bố thí có hai thứ, một là thí Tài, hai là thí Pháp: Một tài thí là thức ăn uống, y phục, nhà cửa, ruộng vườn, lục súc, tôi tớ tất cả vật giúp thân cần dùng và vợ con cho đến thân mạng thuộc người làm tài vật của người. Nên gọi là xả thân cũng thuộc tài thí, tùy có chỗ cần đều đem cho cả, đều gọi là thí tài; hai là thí Pháp, nếu từ chư Phật và các thiện tri thức nghe nói pháp lành thế gian và xuất thế gian. Nếu nghe từ kinh luận hoặc tự dùng quán hạnh mà biết, đem tâm thanh tịnh giảng nói nghe cho người đều gọi là thí

pháp. Bồ-tát dùng tâm ngay thẳng mà thực hành hai thứ thí này nên gọi là Đàn. Ba-la-mật dịch như ở trước nói. Nếu Bồ-tát đối với đàn tu đủ năm tâm, bố thí, lúc ấy gọi là Ba-la-mật. Thế nào là năm? Một là biết thật tướng của thí; hai là khởi tâm Từ bi; ba là phát nguyện; bốn là hồi hướng; năm là đầy đủ phương tiện: 1) Thế nào là thật tướng của biết thí, nếu khi bố thí thì ba việc người thí, người nhận và tiền của đều không thật có. Nhập vào thật tướng mà chánh quán, dùng pháp vô sở xả tùy người cần dùng vật gì mà thí cho không tiếc. Ấy là biết thật tướng của thí. 2) Thế nào là khởi tâm Từ bi? Nếu Bồ-tát tuy biết thật tướng của thí không có gì mà khởi tâm đại Từ đại Bi muốn nhân thí này mà cho tất cả vui, cứu tất cả khổ, ấy là khởi tâm Từ bi. 3) Thế nào là phát nguyện? là khi thí, nguyện nhờ sự bố thí này mà được Phật quả Vô thượng, chẳng cầu quả báo Ba thừa, phàm phu, ấy là phát nguyện. 4) Thế nào là hồi hướng? là tùy khi bố thí mà xoay công đức bố thí này hướng về Tát-bà-nhã, và bố thí cho tất cả chúng sinh, ấy là Hồi hướng. 5) Thế nào là đầy đủ phương tiện? là nói hay bố thí một pháp mà xoay vẫn thông suốt tất cả Phật pháp, tu khắp các hạnh, ấy là đầy đủ phương tiện. Nếu Bồ-tát có đủ năm tâm này, tùy lúc mà bố thí, trong nhân nói quả, cũng gọi là sự rất ráo, cũng gọi là Đáo bỉ ngạn, cũng gọi là Độ vô cực. Ấy là chỗ làm bố thí của Bồ-tát, gọi là thực hành đàn Ba-la-mật. Nếu đến quả Phật Vô thượng Bồ-đề mới là Đàn Ba-la-mật thành tựu đầy đủ.

2. Thi-la Ba-la-mật: Thi-la, đời Tần dịch là Hảo thiện, ưa làm việc lành không tự buông lung, ấy là Thi-la. Hoặc thọ giới làm thiện hoặc chẳng thọ giới mà làm lành thì đều gọi là Thi-la. Thi-la có hai thứ: Một là Thi-la tại gia; hai là Thi-la xuất gia. Thi-la tại gia là ba qui y, năm giới cấm, tám trai giới. Thi-la xuất gia là Sa-di, Sa-di-ni mười giới, Thức-xoa Ma-na-ni sáu giới, Đại Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni giới Cụ túc, cho đến ba ngàn oai nghi, tám muôn luật hạnh, hoặc Bồ-tát mười trọng bốn mươi tám giới kinh, là giới chung cả tại gia và xuất gia. Nếu Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh ngay thẳng trì giới như thế thì đều gọi là Thi-la. Ba-la-mật dịch nghĩa như trước. Nếu Bồ-tát đối với hai thứ thi-la mà tu hành đầy đủ năm tâm, thì lúc đó Thi-la gọi là Ba-la-mật. Năm tâm ấy là: Một là biết thật tướng Thi-la, tội chẳng thật có, mà ưa làm việc lành, chẳng tự buông lung. Bốn loại kia như trong Đàn đã phân biệt, nếu Bồ-tát tu đủ năm tâm này tùy theo trì giới làm lành, trong nhân nói quả đều đủ ba nghĩa, ấy là vì Bồ-tát trì giới nên gọi là hành Thi-la Ba-la-mật. Nếu đến được quả Phật Vô thượng Bồ-đề thì mới là Thi-la Ba-la-mật thành tựu đầy đủ.

3. Sần-đề Ba-la-mật: Sần-đề, đời Tần dịch là nhẫn nhục, là trong tâm an nhẫn được cảnh bên ngoài làm nhục, nên gọi là nhẫn nhục. Nhẫn nhục có hai: Một là sinh nhẫn, hai là pháp nhẫn, thế nào là sinh nhẫn? Sinh nhẫn có hai: Một là đối trong cung kính cúng dường, nhẫn được chẳng mê đắm, chẳng sinh kiêu mạn buông lung; Hai là đối với, giận mắng đánh đập hãm hại mà nhẫn được, chẳng sinh giận hờn, oán ghét. Ấy là Sinh nhẫn. Thế nào là Pháp nhẫn? Pháp nhẫn có hai: Một là phi tâm pháp, tức là nóng lạnh, gió mưa, đói khát, bệnh chết, v.v...; hai là tâm pháp, tức là các tà kiến giận hờn buồn rầu si mê đắm dục kiêu mạn v.v... Bồ-tát đối với hai pháp này mà an nhẫn bất động thì gọi là Pháp nhẫn. Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh ngay thẳng tu hai nhẫn này gọi là sần-đề. Ba-la-mật, dịch tên như trước, nếu Bồ-tát trụ vào Sần-đề ma tu đủ năm tâm. Khi ấy, Sần-đề gọi là Ba-la-mật. Năm tâm ấy gồm: Một là biết thật tướng của nhẫn, là tuy đối với các nhục tâm chẳng thể nhẫn mà tùy cảnh nhục sinh ra pháp hai thứ tâm, lại an nhẫn được bất động. Bốn tâm kia như trong Đàn đã phân biệt. Bồ-tát nếu tùy nhẫn tu được đầy đủ năm tâm này, trong nhân nói quả đều đủ ba nghĩa, ấy là Bồ-tát tu nhẫn, gọi là hành Sần-đề Ba-la-mật, nếu đến được quả Phật Vô thượng Bồ-đề mới gọi là Sần-đề Ba-la-mật thành tựu đầy đủ.

4. Tỳ-lê-da Ba-la-mật: Tỳ-lê-đại chủng, đời Tần gọi là tinh tấn, là ưa muốn siêng làm việc lành, chẳng tự buông lung, tức là tinh tấn. Tinh tấn có hai thứ: Một là thân tinh tấn, hai là tâm tinh tấn. Nếu thân siêng tu pháp lành hành đạo, lễ tụng, giảng nói, khuyên giúp khai hóa, ấy là thân tinh tấn. Nếu tâm siêng làm việc lành, tâm tâm tiếp nối, ấy là tâm tinh tấn. Lại nữa, siêng tu pháp lành thí, giới, ấy là thân tinh tấn. Siêng tu nhẫn nhục thiền định, trí tuệ ấy là tâm tinh tấn. Như thế phân biệt các pháp tướng của tinh tấn thân và tâm khác nhau, nay chẳng luận đủ. Nếu Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh ngay thẳng mà tu hai thứ tinh tấn này nên gọi là Tỳ-lê-da. Ba-la-mật thì dịch tên như trước. Nếu Bồ-tát đối với tinh tấn mà tu hành đầy đủ năm tâm, khi ấy Tỳ-lê-da được gọi là Ba-la-mật. Năm tâm ấy gồm: Một là Bồ-tát biết thật tướng của tinh tấn, thân tâm tuy chẳng thật có mà siêng tu tất cả việc lành. Bốn tâm kia như đã phân biệt trong đàn. Nếu Bồ-tát đối với tinh tấn mà có đủ năm tâm này thì tùy chỗ siêng tu việc lành, ở trong nhân nói quả đều có đủ ba nghĩa. Ấy là vì Bồ-tát tinh tấn gọi là hành Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Nếu đến được quả Phật Vô thượng Bồ-đề thì mới là Tỳ-lê-da Ba-la-mật thành tựu đầy đủ.

5. Thiên Ba-la-mật: Thiên đời Tần dịch là tư duy tu, là tất cả nhiếp

tâm hệ niệm muốn học các Tam-muội đều gọi là Tư duy tu. Thiền có hai thứ: Một là thiền thế gian; hai là thiền xuất thế gian, tức là bốn thiền căn bản, bốn Tâm vô lượng, bốn định Vô Sắc. Tức là thiền của phàm phu thực hành. Thiền xuất thế gian lại có hai thứ: Một là thiền xuất thế gian; hai là thượng thượng thiền xuất thế gian. Thiền xuất thế gian gọi là sáu diệu môn, mười sáu Đặc thắng, Thông minh chín tướng, tám niệm, mười tướng, tám bối xả, tám thắng xứ, mười một Nhất thiết xứ luyện thiền, mười bốn Biến hóa nguyện trí đánh thiền, Tam-muội Vô tránh, ba Tam-muội, Tam-muội sư tử phấn tấn siêu việt v.v... cho đến ba minh, sáu thông, các thiền như thế v.v... đều là thiền xuất thế gian, cũng gọi là Nhị thừa cộng thiền; hai là thượng thượng thiền xuất thế gian, tức là chín thứ đại thiền như tự tánh, v.v..., Thủ-lăng-nghiêm, v.v... một trăm lẻ tám Tam-muội chư Phật bất động, một trăm hai mươi Tam-muội v.v... đều là thượng thượng thiền xuất thế gian, cũng gọi là bất cộng thiền, chẳng đồng với phàm phu và Nhị thừa. Nếu Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh ngay thẳng, tu các thiền như thế, gọi là Thiền. Ba-la-mật thì đã dịch tên như trước. Nếu Bồ-tát đối với các thiền tu đủ năm tâm, lúc đó thiền định gọi là Ba-la-mật. Năm tâm ấy gồm: Một là biết thật tướng của thiền, chẳng loạn chẳng vị mà tu khắp các thiền. Còn bốn tâm kia cũng như trong đàn đã phân biệt. Nếu Bồ-tát đối với thiền có được mà tu đủ năm tâm như thế, tùy chỗ nhập thiền, ở trong nhân nói quả đều đủ ba nghĩa. Bồ-tát tu thiền định như thế đều gọi là hành thiền Ba-la-mật. Nếu đến được quả Phật Vô thượng Bồ-đề mới là thiền Ba-la-mật thành tựu đầy đủ.

6. Bát-nhã ba-la-mật: Bát-nhã đời Tần dịch là Trí tuệ, soi rõ tất cả các pháp đều chẳng thật có mà thông suốt tất cả vô ngại, gọi là Trí tuệ. Trí tuệ có ba thứ: Một là trí tuệ Thanh văn, hai là trí tuệ Bích-chi-phật, ba là trí tuệ Phật. Một là cầu trí tuệ Thanh văn, có ba thứ là học, vô học và phi học phi vô học. Trí tuệ phi học phi vô học là như Càn tuệ địa, Bất tịnh quán, A-na-ban-na, bốn Niệm xứ thuộc cõi Dục, Noãn pháp, đảnh pháp, nhãn pháp, thế đệ nhất pháp. Học trí là khổ pháp nhãn tuệ, cho đến A-la-hán, là Kim cương Tam-muội Tuệ trong vô gián thứ chín. Trí Vô học là A-la-hán giải thoát thứ chín. Từ đó trở đi tất cả Vô học, như tận trí, Vô sinh trí, v.v... ấy là trí tuệ Thanh văn, cầu trí tuệ Bích-chi-phật đạo cũng giống như thế. Chỉ vì người ấy gốc lành thuần thực. Tuy sinh ở đời không Phật chẳng nghe từ người khác, tự nhiên giác ngộ được thiền định. Ba giới lậu tận, tất cả công đức ba minh sáu thông trội hơn Thanh văn, ấy là trí tuệ Bích-chi-phật. Lại vì quán mười hai nhân duyên trí tuệ

sâu sắc lanh lợi, trừ được các tập khí hơn Thanh văn, từ bốn đế quán môn dứt kiết, đó là có khác. Cầu trí tuệ Phật đạo, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi thực hành sáu Ba-la-mật, phá các ma quân và các phiền não, đắc Nhất thiết trí, thành Phật đạo. Cho đến vào Niết-bàn vô dư. Tùy bốn nguyện lực từ trung gian ấy tất cả trí tuệ, tướng chung, tướng riêng tất cả đều biết hết, ấy là trí Phật. Nếu Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh ngay thẳng tu ba thứ trí tuệ này thì gọi là Bát-nhã. Ba-la-mật dịch tên như trước. Nếu Bồ-tát tùy trí tuệ đã tu mà tu đủ năm tâm. Lúc ấy, Bát-nhã gọi là Ba-la-mật. Năm tâm ấy gồm: Một là hiểu biết thật tướng trí tuệ là chẳng phải cảnh, chẳng phải trí, tâm không thật có, mà hay khắp học trí tuệ ba thừa và tất cả tri kiến thế gian. Còn bốn tâm kia như trong đàn đã phân biệt. Bồ-tát có khả năng như thế, đối với trí tuệ đã tu đầy đủ năm tâm này, tùy trí tuệ đã được ở trong nhân nói quả đều đủ ba nghĩa. Ấy là Bồ-tát tu trí tuệ đều gọi là hành Bát-nhã ba-la-mật. Nếu đến được quả Phật Vô thượng Bồ-đề mới gọi là Bát-nhã ba-la-mật thành tựu đầy đủ.

43. BỐN Y: Một là Y pháp chẳng y người; hai là Y kinh liễu nghĩa chẳng y kinh bất liễu nghĩa; ba là Y nghĩa chẳng y ngữ; bốn là Y trí chẳng y thức.

Kế sáu Ba-la-mật là nói về bốn y: Bồ-tát đã muốn học chánh hạnh sáu Ba-la-mật mà thực hành chẳng cô lập ắt có chỗ (nương) mà được thành tựu, chỗ nương tựa nếu chánh thì đủ chánh hạnh, đến được Bồ-đề. Nếu chỗ nương tựa tà thì rơi vào tà đạo. Cho nên kế sáu Độ là nói bốn y. Bốn thứ này gọi chung là y, tức là nương cậy, nương cậy vào bốn pháp này mà thành các nhân muôn hạnh Ba-la-mật, đầy đủ quả Phật Bồ-đề, nên gọi là Y.

1. Y pháp chẳng y người: Y pháp là thật tướng và tất cả pháp lành thuận theo thật tướng gọi chung là Pháp, cũng gọi là Pháp thân. Nếu y vào Pháp thân thật tướng mà tu các Ba-la-mật muôn hạnh công đức thì đều đầy đủ, tất cả thanh tịnh, đến được Bồ-đề, nên gọi là Y pháp. Chẳng y người là do năm Ấm tạo thành giả gọi là thân tướng tốt, nếu y vào thân tướng tốt mà tu các Ba-la-mật và muôn hạnh công đức thì đều rơi vào điên đảo, chẳng bao giờ thấy được Pháp thân chân thật, nên gọi là chẳng chín nhân. Vì sao, như kinh Niết-bàn nói Ma vương Ba-tuần còn làm được Phật, huống gì chẳng thể làm (người) của bốn y. Cho nên, tuy là phạm phư nhưng nếu y theo lời nói mà thực hành, tương ứng với thật tướng thì có thể y đó mà tin, tuy hiện thân Phật tướng tốt hoặc lời nói việc làm trái với pháp thật tướng thì chẳng nên nương tựa, hướng

chi các người khác.

2. Y kinh liễu nghĩa chẳng y kinh bất liễu nghĩa: Y kinh liễu nghĩa, là đối với mười hai bộ kinh Đại thừa Phương Đẳng đều nói trung đạo Phật tánh, lý thật tướng như như. Nếu y vào giáo này mà tu các Ba-la-mật muôn hạnh công đức, thì tâm tương ứng với trung đạo, thấy được tạng lý Phật tánh Như Lai, nên gọi là Y kinh liễu nghĩa. Không Y kinh bất liễu nghĩa, đó là hạnh nên làm của Thanh văn, trong chín bộ chẳng tu trung đạo tạng lý Phật tánh Như Lai. Nếu nương vào giáo này mà tu các Ba-la-mật muôn hạnh công đức thì rơi vào hai bên, không thấy được tạng lý Phật tánh Như Lai. Nên nói chẳng Y kinh bất liễu nghĩa.

3. Y nghĩa chẳng y ngữ: Y nghĩa, nghĩa là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu y Trung đạo đệ nhất nghĩa đế mà tu các Ba-la-mật muôn hạnh công đức thì đường ngôn ngữ dứt, chộ tâm hành diệt, phá các điên đảo, tâm tâm vắng lặng tự nhiên lưu nhập vào vô lượng thiền định. Cho nên nói y nghĩa chẳng y ngữ (lời nói). Ngữ là lời nói thế gian, văn tự chương cú giả dối không thật. Cho đến chỗ thấy của Nhị thừa về chân đế Niết-bàn cũng có văn tự. Nên kinh Pháp Hoa chép: Dùng hóa thành mà dụ, nếu y vào văn tự ngôn ngữ như thế mà tu các Ba-la-mật muôn hạnh công đức thì chỉ thêm lớn tranh cãi, vọng tưởng phiền não hoặc rơi vào địa vị Nhị thừa, chẳng đến được Đại bát Niết-bàn của Đại thừa, nên nói chẳng y ngữ.

4. Y trí chẳng y thức. Y trí là tâm soi rõ gọi là Trí. Nếu đối với chánh quán trí tuệ tâm không mê đắm mà tu các Ba-la-mật muôn hạnh công đức thì phá tan năm trụ phiền não và vô biên nghiệp sinh tử, sẽ được thưởng, lạc, ngã, tịnh của Niết-bàn Đại thừa. Cho nên nói y trí chẳng y thức. Tâm vọng tưởng gọi là Thức. Nếu y vào vọng thức mà tu các Ba-la-mật muôn hạnh công đức thì cấu tập năm trụ phiền não và hai bên nghiệp sinh tử. Ấy là vì trôi lăn vô cùng, các khổ chẳng dứt, nên nói là chẳng y thức.

44. CHÍN THỨ ĐẠI THIÊN: 1. Tự tánh thiên; 2. Nhất thiết thiên; 3. Nam thiên; 4. Nhất thiết môn thiên; 5. Thiện nhân thiên; 6. Nhất thiết hạnh thiên; 7. Trừ phiền não thiên; 8. Đời này đời khác thiên; 9. Thanh tịnh thiên;

Kế bốn y là nói chín thứ thiên. Bồ-tát đã được chỗ nương cậy chân chánh thì tu rộng sâu các đại hạnh. Nội hạnh rộng sâu trong kinh luận không gì bằng thiền định. Nên Đại Trí Độ luận chép: Thiên cao nhất như vua. Nói thiên thì tất cả đều nhiếp rằng: Nếu Bồ-tát thành

đạo, xoay bánh xe pháp, nhập vào Niết-bàn, tất cả công đức thắng diệu đều ở trong thiền. Nay nói quán riêng Bồ-tát thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập vào Niết-bàn, công đức thắng diệu, suy nghĩ tu pháp đều nằm ở trong chín thiền này. Cho nên kể bốn y là nói về chín thứ thiền này. Trong kinh Anh Lạc tuy có ý mà chẳng nêu tên. Giải thích chỗ Bồ-tát Di-lặc soạn luận Trì địa nói sáu Ba-la-mật mới nói ra tướng chín thiền, đều là thiền bất cộng của Bồ-tát. Từ tự tánh cho đến thanh tịnh thì chẳng chung với người Nhị thừa. Nay nói bất cộng thứ đệ của Bồ-tát, nội hạnh rộng sâu, suy tư tu pháp đối với sáu Ba-la-mật mà nêu riêng chín thứ đại thiền. Chín thứ này gọi chung là Thiền, là tên phiên dịch đồng với trước nhưng pháp tướng có khác.

1. Tự tánh thiền: Thế nào là Tự tánh thiền? Trước khi văn tư tượng Bồ-tát thì làm điều lành thế gian và xuất thế gian, nhất tâm an trụ, hoặc chỉ, hoặc quán, hoặc hai thứ đồng loại, hoặc toàn phần, đều là Tự tánh thiền.

2. Nhất thiết thiền. Thế nào là Bồ-tát Nhất thiết thiền? nói lược có hai thứ: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại tùy chỗ ứng mà đều có ba thứ: Một là Hiện pháp lạc trụ thiền, hai là Xuất sinh Tam-muội công đức thiền, ba là lợi ích chúng sinh thiền. Bồ-tát thiền định lia tất cả vọng tưởng, thân tâm dừng nghỉ (vắng lặng bậc nhất), tự nêu tâm dứt, buông bỏ vị trước, và tất cả tướng. Đó gọi là Hiện pháp lạc trụ thiền. Bồ-tát thiền định sinh ra các thứ không thể nghĩ bàn vô lượng vô biên chủng tánh mười lục, Tam-muội sở nhiếp. Các Tam-muội ấy tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng biết được tên gọi hướng chi biết được chỗ khởi và chỗ sinh ra giải thoát của Nhị thừa, trừ nhập tất cả vô ngại tuệ vô tránh nguyện trí thắng công đức diệu. Đó gọi là Bồ-tát xuất sinh Tam-muội công đức thiền, lợi ích chúng sinh thiền, là mười một thứ, như trước đã giải thích, Bồ-tát y bố thí chúng sinh làm ra các nghĩa để lợi ích, vì cùng đồng sự mà trừ các khổ. Biết điều nên nói, biết ân báo ân, ngã ngừa các sợ sệt, các nạn sâu khổ, vì khai mở cho. Chỗ cần dùng chẳng đủ, bèn cấp thị cho, đúng pháp nuôi chúng, khéo thuận theo, thấy công đức chân thật vui mừng khen ngợi, tâm bình Đẳng chiết phục, thân lực sợ sệt, hoặc khiến vui mừng. Đó gọi là nói lược tất cả thiền, không thiếu (sót), không gì trên.

3. Nam thiền. Thế nào là Bồ-tát nạn thiền? Nói lược có ba thứ: Bồ-tát đã lâu tu tập các thiền định thắng diệu, đối với các Tam-muội tâm được tự tại, thương xót chúng sinh muốn cho thành thực, bỏ đệ nhất thiền lạc mà sinh cõi dục. Đó gọi là Bồ-tát Đệ nhất nan thiền. Bồ-tát

nương theo thiền sinh ra vô lượng vô số không thể nghĩ bàn các Tam-muội sâu xa, ở trên tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, đó gọi là Đệ nhị nan thiền. Bồ-tát Y theo thiền được Vô thượng Bồ-đề, gọi là Đệ tam nan thiền

4. Nhất thiết môn thiền. Thế nào là Nhất thiết môn thiền của Bồ-tát? Nói lược có bốn thứ: Một là Hữu giác hữu quán câu thiền, hai là Hỷ câu thiền, ba là Lạc câu thiền, bốn là Xả câu thiền.

5. Thiện nhân thiền. Thế nào là Thiện nhân thiền của Bồ-tát? Nói lược có năm thứ: Một là Bất vị trước, hai là Từ tâm câu, ba là Bi tâm câu, bốn là Hỷ tâm câu, năm là Xả tâm câu.

6. Nhất thiết hạnh thiền. Thế nào là Nhất thiết hạnh thiền của Bồ-tát? Tức là sáu thứ, bảy thứ, nói lược mười ba thứ: Thiện thiền, Vô ký hóa hóa thiền, chỉ phần quán phần tự tha lợi chánh niệm thiền, Xuất sinh thân thông lực công đức thiền, Danh duyên, nghĩa duyên, chỉ tướng duyên, Cử tướng duyên, Xả tướng duyên, hiện pháp, lạc trụ, đệ nhất nghĩa thiền, là mười ba thứ Nhất thiết hạnh thiền của Bồ-tát.

7. Trừ não thiền. Thế nào là Trừ não thiền? Nói lược có tám thứ: Một là Bồ-tát nhập định trừ các nhiệt bệnh khổ nạn độc hại sương mù, mưa đá, đó gọi là chú thuật Sở y thiền; hai là Bồ-tát nhập định trừ được các bệnh do bốn đại sinh ra. Ấy là Trừ bệnh thiền; ba là Bồ-tát nhập định khởi lên mưa ngọt trừ được các hạn hán cứu các đói khát. Đó gọi là Vân vũ thiền; bốn là Bồ-tát nhập định cứu giúp các tai nạn sợ sệt, tất cả nạn nước lửa sợ sệt, nhân, phi nhân, gọi là Đẳng độ thiền; Năm là Bồ-tát nhập định hay dùng thức ăn uống mà làm lợi ích các chúng sinh trong đồng cỏ đói khát. Đó gọi là Nhiều ích thiền; sáu là Bồ-tát nhập định dùng tài vật điều phục chúng sinh. Đó gọi là Điều phục thiền; bảy là các Bồ-tát nhập định biết các mê say, các mê trong mười phương đều được khai giác, đó gọi là Khai giác thiền; tám là Bồ-tát nhập định, các việc chúng sinh làm đều giúp cho thành tựu, đó gọi là Đẳng tác thiền.

8. Thử thế tha thế lạc thiền. Lược nói có chín thứ: Một là Thần túc biến hiện điều phục chúng sinh thiền; hai là Tùy nói điều phục chúng sinh thiền; ba là Dạy răn biến hiện điều phục chúng sinh thiền; bốn là vì chúng sinh ác mà bày đường ác thiền; năm là chúng sinh không có biện tài dùng biện tài làm lợi ích thiền; sáu là chúng sinh Thất niệm dùng niệm để làm lợi ích thiền; bảy là Tạo bất điên đảo, luận vì diệu tán tụng Ma-đặc-lặc-già vì khiến chánh pháp ở lâu trên đời thiền; Tám là Thế gian kỹ thuật nghĩa lợi ích nhiếp thủ chúng sinh. Cái gọi là Thứ số toán kế, tư sinh phương tiện pháp, các chúng cụ thiền như thế; chín

là Phóng ánh sáng tạm dứt đường ác thiện.

9. Thanh tịnh tịnh thiện. Thế nào là Thanh tịnh tịnh thiện của Bồ-tát. Lược có mười thứ: Một là Thế gian thanh tịnh tịnh bất vị bất nhiễm ô thiện; hai là Xuất thế gian thanh tịnh tịnh thiện; ba là Phương tiện thanh tịnh tịnh thiện; bốn là Đắc căn bản thanh tịnh tịnh thiện; năm là Đắc căn bản thượng thắng tấn thanh tịnh tịnh thiện; sáu là Trụ khởi lực thanh tịnh tịnh thiện; bảy là Xả phục nhập lực thanh tịnh tịnh thiện; tám là Thần thông sở tác lực thanh tịnh tịnh thiện, chín là Ly nhất thiết kiến thanh tịnh tịnh thiện; mười là Phiền não trí chướng đoạn thanh tịnh tịnh thiện. Bồ-tát có vô lượng thiện như thế, được quả đại Bồ-đề. Bồ-tát y theo đó mà được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, đã được sẽ được. Chín thứ thiện nói trong đó từ đầu đến cuối đều là trích từ Địa trì xứ do Bồ-tát Di-lặc nói, không có một câu riêng nào, người đọc tự biết lấy ý ấy.

45. MƯỜI TÁM KHÔNG: 1. Nội không; 2. Ngoại không; 3. Nội ngoại không; 4. Không không; 5. Đại không; 6. Đệ nhất nghĩa không; 7. Hữu vi không; 8. Vô vi không; 9. Tất cánh không; 10. Vô thủ không; 11. Tán không; 12. Tánh không; 13. Tự tướng không; 14. Chư pháp không; 15. Bất khả đắc không; 16. Vô pháp không; 17. Hữu pháp không; 18. Vô pháp hữu pháp không.

Kế chín thứ thiện là nói về mười tám không. Chín thứ trước chính là nói lại Thiên Ba-la-mật có giai cấp sâu. Nay mười tám không kế thành Bát-nhã ba-la-mật, trí tuệ soi rõ sự sâu mầu của vô đắc vô trước, cho nên kể nói. Mười tám thứ này gọi là Không, tức là không thật có, không mười tám thứ hữu nên gọi là Không. Nếu Bồ-tát mới đầu là tu Tự tánh thiện, cuối đến Thanh tịnh tịnh thiện, tuy có dụng đại công đức thần thông trí tuệ. Mà thiên định là cửa nẻo, nói pháp có cấp bậc. Nếu bất thiện thì dùng mười tám không tuệ soi rõ trừ sạch. Hoặc đối với các thiện Tam-muội đã chứng thì mười tám pháp hữu tùy dính mắc một hữu thì chẳng được vô ngại giải thoát, nhậm vận tự tại, cho nên phải tu mười hai không, soi rõ vô trụ vô trước. Kinh luận nói không, khai hợp danh số chẳng đồng hoặc vì lược mà hợp thành mười tám không, nhưng chỉ là mười bốn không, hoặc mười một không, hoặc bảy không, cho đến ba không, hai không, một không. Hoặc vì rộng mà chia mười không thành hai mươi không, hai mươi lăm không, cho đến vô lượng không. Nay trong xứ dùng mười tám không dứt sạch các hữu, hết tất cả thì các Ba-la-mật thiện định Tam-muội muôn hạnh thủy đều thanh tịnh.

1. Nội không. Nội không là nội pháp không, gọi là sáu nhập bên trong là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt không nên vô ngã, vô ngã sở, (không) tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như thế. Ấy là Nội không.

2. Ngoại không. Ngoại không là pháp bên ngoài không. Pháp ngoài tức là sáu nhập bên ngoài: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc không nên vô ngã, vô ngã sở (không có ngã, ngã sở), (không có) sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng giống như thế. Ấy là Ngoại không.

3. Nội ngoại không. Trong ngoại không là pháp trong ngoài không. Pháp trong ngoài đó là trong ngoại mười hai nhập, trong mười hai nhập không có ngã, ngã sở, không có pháp trong ngoài, ấy là trong ngoài không.

4. Không không: Không không là dùng không mà phá trong ngoài không, trong ngoài không phá ba không ấy nên gọi là không không, nên kinh Duy-ma chép: Được pháp này rồi không có các bệnh khác, chỉ có bệnh, không bệnh, không cũng không nên gọi là Không không.

5. Đại không. Đại không là mười phương tướng không, nên gọi là Đại không. Vì sao? Vì phương Đông vô biên nên gọi là Đại. Cũng trùm khắp tất cả chỗ nên gọi là Đại. Khắp tất cả sắc nên gọi là Đại. Như thế Đại phương năng phá nên gọi là Đại không. Cho đến Nam Tây Bắc phương, bốn duy trên dưới cũng giống như thế.

6. Đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không nghĩa bậc nhất trong các pháp gọi là Niết-bàn. Trong Niết-bàn cũng không có tướng Niết-bàn. Niết-bàn không tức là Đệ nhất nghĩa không.

7. Hữu vi không: Pháp hữu vi gọi là nhân duyên hòa hợp mà sinh, đó là năm chúng, mười hai nhập, mười tám giới. Nay pháp hữu vi có hai nhân duyên cho nên không: Một là không có ngã, ngã sở và tướng thường không dời đổi, chẳng thật có cho nên không; hai là pháp hữu vi, pháp hữu vi tướng không, chẳng sinh chẳng diệt, không thật có. Ấy là Hữu vi không.

8. Vô vi không. Vô vi không, pháp vô vi gọi là vô nhân duyên, thường chẳng sinh chẳng diệt như hư không. Nay đối đãi với Hữu vi nên nói Vô vi. Nếu pháp hữu vi chẳng thật có thì không có pháp Vô vi để chấp trước, nên tức là Vô vi không.

9. Tất cánh không: Rốt ráo không vì tám thứ trước không mà phá các pháp rốt ráo đều sạch hết nên gọi là rốt ráo. Nếu không có các pháp thì cũng không có (rốt ráo) để chấp nên gọi là Không. Lại hiểu rốt ráo là chung cánh quán, pháp chung cánh ấy cũng chẳng thật có thì chẳng chấp có pháp rốt ráo, gọi là rốt ráo không. Nên kinh Pháp Hoa chép:

cho đến rốt ráo Niết-bàn là tướng thường vắng lặng, (rốt lại) cũng là không.

10. Vô thủ không: Vô thủ không là tất cả thế gian, hoặc chúng sinh, hoặc pháp đều không có bắt đầu. Như Phật bảo các Tỷ-kheo chúng sinh vô thủ vô minh, bị ái trói buộc tới lui sinh tử, vô thủ có thể phá được vô thủ này, đối với vô thủ không có chấp trước nên gọi là Vô thủ không.

11. Tán không: Tán không là năm chúng hòa hợp nên có thân người. Nếu dùng trí tuệ mỗi mỗi phân biệt phá tan người và năm chúng cùng với pháp bị phá tan đều không, chẳng thật có. Như Phật bảo Lanna: Sắc này phá tan, khiến không có gì. Các chúng sinh khác cũng như thế. Đó là tán không.

12. Tánh không. Tánh lạ gọi là tự có, chẳng đợi nhân duyên. Nếu đợi nhân duyên thì là pháp làm ra, chẳng gọi là Tánh. Nay trong các pháp đều không tánh. Vì sao? Vì tất cả pháp hữu vi đều từ nhân duyên sinh. Nhân duyên sinh thì là pháp làm ra, nếu chẳng từ nhân duyên hòa hợp thì là vô pháp, như thế tất cả các pháp tánh chẳng thật có, nên gọi là Tánh không.

13. Tự tướng không. Tự tướng không là tất cả các pháp có hai thứ tướng: Một là tướng chung; hai là tướng riêng. Tướng chung là như vô thường v.v... Tướng riêng là các pháp tuy vô thường nhưng đều có tướng riêng, như đất có tướng cứng chắc, lửa có tướng nóng. Hai tướng như thế đều không, nên nói là tướng không, phân biệt tánh tướng khác nhau. Hoặc nói tên khác mà thể đồng, hoặc nói tên thể đều khác. Vì sao? Vì Tánh nói là thể, tướng nói là thức. Tánh là các pháp y cứ bên trong, tướng là y cứ bên ngoài. Tướng như thấy sắc vàng là tướng vàng mà trong là đồng, dùng lửa đốt đá mài thì biết không phải là tướng tánh vàng, nên nói riêng về tướng không.

14. Các pháp không. Các pháp không là tên tất cả pháp năm chúng, mười hai nhập, mười tám giới v.v.... là pháp không, đều nhập vào các thứ môn, gọi là tất cả pháp. Tướng có, tướng biết, tướng thức, tướng duyên tăng thượng, tướng nhân, tướng quả, tướng chung, tướng riêng, tướng y... v.v... tất cả đều không, không chẳng thật có, nên gọi là các pháp không.

15. Bất khả đắc không. Bất khả đắc không là tất cả pháp và nhân duyên rốt ráo chẳng thật có, nên gọi là bất khả đắc không. Lại giải thích rằng ở trên dùng các pháp không mà không tất cả pháp, đều chẳng thật có. Nếu cho là không thật có thì đó là đoạn diệt. Nếu biết là chẳng thật có thì cũng chẳng thật có, đối với chẳng thật có tâm chẳng mất, nên gọi

là bất khả đắc không.

16. Vô pháp không: Vô pháp không là không pháp để gọi, pháp đã diệt là diệt vô, nên gọi là vô pháp không. Có người giải thích rằng: Pháp quá khứ vị lai gọi là pháp không, là vô pháp chẳng thật có, nên gọi là vô pháp không.

17. Hữu pháp không: Hữu pháp không là có pháp để gọi, các nhân duyên hòa hợp mà sinh, cho nên giải thích rằng: Tất cả pháp hiện tại và pháp vô vi gọi là pháp hữu vi. Như thế pháp có đều không, nên gọi là hữu có pháp không.

18. Vô pháp hữu pháp không: Vô pháp hữu pháp không, là tướng của vô pháp hữu pháp chẳng thật có, nên gọi là vô pháp hữu pháp không. Cũng vì quán vô pháp hữu pháp không nên gọi là vô pháp hữu pháp không. Có người giải thích rằng: Quá khứ, vị lai, hiện tại tất cả đều không, nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

46. MƯỜI DỤ: 1. Như huyễn; 2. Như ánh lửa; 3. Như trăng đáy nước; 4. Như hư không; 5. Như tiếng vang; 6. Như thành Kiền-thát-bà; 7. Như mộng; 8. Như (bóng); 9. Như hình tượng trong gương; 10. Như hóa.

Kế mười tám không là nói về mười dụ. Mười dụ này là để dễ hiểu về không. Nếu tu quán mười tám không mà chẳng khéo dùng mười dụ để hiểu cái mê chấp vướng mắc, thể hội pháp chân không thì không do đâu chánh giải phát nên kế mười tám không là nói về mười dụ, để thành dễ ngộ quán không, cũng vì khác với hoại pháp Nhị thừa mà tu không. Mười thứ này gọi là dụ vì nhờ sự mà so với lý để hiểu mê tình, nên gọi là dụ. Nay vì huyễn mộng của thế giới dễ hiểu không, để dụ cho tâm mê chấp khó tan như băng khiến cho đều dễ hiểu, cho nên lấy mười sự này làm dụ.

1. Như huyễn. Thí như nhà trò ảo thuật làm ra voi ngựa và các thứ vật thể, tuy không thật nhưng có huyễn sắc mà ta thấy rõ ràng, có tiếng huyễn mà ta nghe, đối nhau với tình mà chẳng lầm loạn. Người vô trí chẳng hiểu, cho đó là Thật. Các pháp cũng như thế, đều là chẳng biết do huyễn làm ra. Tuy không mà ta thấy nghe rõ ràng chẳng lầm loạn. Tâm mê chẳng hiểu vọng chấp là thật. Người tu không quán nếu biết các pháp đồng như tướng huyễn thì tâm không, rỗng rang khai giải, ngộ tất cả pháp đều vắng lặng, nên nói như huyễn.

2. Như ánh lửa: Lửa mặt trời như gió động bụi cho nên ở chỗ trống thấy như có ngựa chạy. Người vô trí mới thấy cho là nước, tướng nam

tướng nữ và tướng tất cả pháp cũng giống như thế. Ánh sáng kết sử phiền não, bụi các hạnh, gió ức niệm chuyển trong chốn hoang vắng sinh tử. Người không có trí tuệ cho là một tướng, là nam là nữ, đó gọi là ánh lửa. Lại nữa, nếu ở xa thấy hơi nóng bốc lên tưởng là nước, đến gần thì không có nước. Người vô trí cũng giống như thế. Nếu xa Thánh pháp, không biết vô ngã, không biết các pháp là không. Đối với Ấm, nhập, giới là pháp tánh không mà sinh tưởng người, tướng nam tướng nữ. Gần Thánh pháp thì biết thật tướng các pháp. Lúc đó, các thứ vọng tưởng giả dối trừ sạch. Cho nên nói như hơi nóng.

3. Như trăng đáy nước. Trăng ở trên hư không mà bóng nó bên trong nước, thật ra pháp tướng như pháp tánh, thật tế ở trong hư không. Phàm phu đối với nước tâm thấy có tướng ngã và ngã sở hiện ra, vì thế nói là như trăng đáy nước. Trẻ con thấy trăng đáy nước vui mừng chụp lấy. Người lớn thấy đó thì cười. Người vô trí cũng giống như thế. Vì thân kiến nên thấy có tà mạng, vì không thật trí nên thấy các thứ pháp, thấy rồi thì vui mừng muốn nắm lấy các tướng, tướng nam tướng nữ, v.v... Các bậc Thánh đắc đạo thương xót mà cười.

4. Như hư không. Hư không chỉ có tên mà không có pháp thật. Hư không chẳng thể thấy, ở xa nhìn nên mắt thấy hình sắc. Các pháp cũng như thế, là không, chẳng thật có. Người ở xa vô lậu thật trí tuệ, bỏ thật mà thấy có mình người, nam nữ, nhà cửa, các vật. Nếu tu không quán nhập vào lý thật tướng thì tất cả đều không thật có. Nên nói là như hư không.

5. Như tiếng vang. Nếu trong núi sâu hay trong hang núi hẹp và trong ngôi nhà rộng, nếu có tiếng nói hay vỗ đập thì phát ra tiếng vang. Người vô trí cho là có tiếng người nói. Người có trí hiểu là tiếng không do người làm, chỉ do tiếng chạm nhau, nên gọi là vang. Tiếng vang là không mà dối lừa được lỗ tai. Khi người muốn nói thì hơi trong miệng tuôn ra, gọi là Ưu-đà-na, lại vào đến rún, khi phát tiếng vang thì chạm vào bẫy chõ mà trở lại, đó gọi là nói năng như tiếng vang. Người vô trí chẳng biết nhân duyên của nói năng gọi là thật tâm mà sinh vui buồn. Người trí biết nhân duyên nói năng không thật, chỉ như tiếng vang nên khi nghe thì tâm không chấp trước. Các pháp cũng như thế nên nói như tiếng vang.

6. Như thành Kiên-thất-bà, khi mặt trời mới mọc thấy cửa thành có lầu các cung điện, có người ra vào. Mặt trời lên càng cao thì càng biến mất, chỉ mắt thấy mà không có thật. Người vô trí chẳng biết cho đó là thật. Người có trí thì biết là không thật. Các pháp cũng như thế,

vì người vô trí chẳng hiểu vọng chấp có giả danh, ngã, Ấm, nhập, giới là thật. Người trí hiểu rõ đều là không thật có, nên nói như thành Kiên- thất-bà.

7. Như mộng. Trong mộng không có việc thật mà cho là có thật. Thức rồi thì lại tự cười. Con người cũng như thế, các kết sử này trong lúc ngủ thật không có mà chấp chặt, khi được đạo thức rồi bèn biết là không thật, cũng lại tự cười. Cho nên nói như mộng. Lại mộng là do năng lực của giấc ngủ, không có pháp mà thấy là có, con người cũng giống như thế. Vì năng lực của giấc ngủ vô minh, các thứ vô mà thấy có, đó là ngã, ngã sở, nam nữ, v.v...

8. Như (bóng) dáng: bóng dáng là chỉ có thể thấy mà chẳng thể cầm nắm. Các pháp cũng như thế, tuy mắt v.v... thấy nghe hiểu biết mà chẳng thật có. Lại như bóng dáng khi chiếu sáng thì hiện, chẳng chiếu sáng thì không có. Các kết sử phiền não ngăn ánh sáng chánh kiến thì có ảnh ngã tướng, pháp tướng. Nếu phiền não kết sử diệt thì ngã tướng, pháp tướng đều không. Lại như bóng người đi thì đi, đứng thì đứng. Bóng dáng nghiệp thiện ác cũng như thế. Đời sau đi thì cũng đi, đời này đứng thì cũng đứng, vì quả báo chẳng dứt.

9. Như hình ảnh trong gương: hình ảnh trong gương thì không phải gương làm ra không phải mặt làm ra, không phải gương và mặt hòa hợp nhau làm ra, cũng không phải nhân duyên làm ra, tuy không nhất định có mà thấy được, phân biệt được. Các pháp cũng như thế. Không phải tự có, không phải khác có, không phải cùng có, cũng không phải không nhân duyên mà có. Tuy có mà chẳng thật có, chỉ vì (tên gọi) mà có phân biệt, như hình ảnh trong gương. Thật không có mà đối gạt trẻ con làm cho sinh vui buồn. Người trí tuy thấy liền biết không thật, cho nên không vui buồn. Các pháp cũng giống như thế, đối gạt phàm phu sinh ra các phiền não. Người thật trí tuệ tuy thấy nghe nhưng biết là không thật, nên chẳng sinh kiết nghiệp, cho nên nói như hình ảnh trong gương.

10. Như hóa. Nếu các trời, tiên Thánh được thần thông, biến hóa các vật như hóa nhân, không sinh già bệnh chết, không khổ không vui, cũng khác với người đời, cho nên không mà chẳng thật. Tất cả các pháp cũng giống như thế, đều không sinh diệt, lại như hóa sinh vật không nhất định, chỉ vì tâm sinh liền có làm, đều không thật có. Người đời cũng như thế. Vốn không có nhân chỉ từ tâm đời trước sinh thân đời này, không có thật. Vì thế nên nói các pháp như hóa.